

Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 44



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Ông Hoàng Anh Xuân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2014)
Ông Lê Đăng Dũng	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Đoàn Châu Phong	Thành viên
Ông Đinh Việt Tùng	Thành viên
Ông Vũ Quý Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thiết	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Quý Hà	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Công San	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Việt Tùng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014)
Ông Lê Doanh Yên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2014)
Ông Thân Thế Hà	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Quý Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2014

huy

Số: 335 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 28 tháng 8 năm 2014, từ trang 5 đến trang 44. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 (Công ty con của Tổng Công ty) cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 có số dư các khoản phải thu khách hàng với số tiền khoảng 82 tỷ VND đã quá hạn thanh toán trên một năm và giá trị các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang đang phản ánh ở khoản mục Hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã hoàn thành nhưng chưa được xác nhận khối lượng và/hoặc chưa quyết toán kéo dài trên ba năm khoảng 15 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng về giá trị có thể thu hồi đối với các khoản phải thu khách hàng và giá trị có thể thực hiện được của số hàng tồn kho đã tồn đọng nhiều năm này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty Cổ phần Xây dựng số 15, do đó chúng tôi không đánh giá được số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn mà Tổng Công ty cần phải trích lập thêm cho khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (Công ty liên kết của Tổng Công ty) có số dư tiền gửi tại một công ty tài chính khác với số tiền là 79 tỷ VND và số dư trái phiếu doanh nghiệp với giá trị ghi sổ là 150 tỷ VND đã đáo hạn trên một năm nhưng chưa thu hồi được. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng về khả năng thu hồi đối với các khoản tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp nói trên cũng như không thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về dự phòng rủi ro tài chính cần phải trích lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, do đó chúng tôi không xác định được số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn mà Tổng Công ty cần trích lập thêm cho khoản đầu tư tài chính vào Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh:

- Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty và Tập đoàn Viễn thông Quân đội đang thực hiện các thủ tục để thống nhất giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trong giao dịch chuyển nhượng cổ phần. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề nêu trên.
- Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 34 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ nêu “ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Ý kiến kết luận về các vấn đề này có thể làm phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các vấn đề nêu trên.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 8 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0910-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		4.939.975.007.913	5.182.737.690.606
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	261.825.260.252	517.704.955.085
1. Tiền	111		141.825.260.252	425.004.955.085
2. Các khoản tương đương tiền	112		120.000.000.000	92.700.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	140.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		140.000.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.739.567.748.097	3.438.630.289.891
1. Phải thu khách hàng	131	6	2.845.397.165.397	2.563.053.674.444
2. Trả trước cho người bán	132		438.138.811.448	435.774.534.858
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		420.371.700.533	327.650.181.889
4. Các khoản phải thu khác	135		338.936.235.011	384.297.662.043
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(303.276.164.292)	(272.145.763.343)
IV. Hàng tồn kho	140	7	681.343.317.983	1.006.858.555.986
1. Hàng tồn kho	141		683.873.127.227	1.009.388.365.230
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.529.809.244)	(2.529.809.244)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		117.238.681.581	199.543.889.644
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.132.000	198.810.697
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.812.402.491	28.971.336.024
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		15.487.870.760	71.470.459.916
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	98.932.276.330	98.903.283.007
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		6.115.121.053.201	6.100.651.135.036
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.500.134.916.015	2.481.473.367.745
1. Phải thu nội bộ dài hạn	213	9	134.265.049.279	178.858.458.062
2. Phải thu dài hạn khác	218	10	2.365.869.866.736	2.302.614.909.683
II. Tài sản cố định	220		347.833.327.360	355.055.468.783
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	141.060.443.785	149.227.323.888
- Nguyên giá	222		250.350.793.171	250.181.318.171
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.290.349.386)	(100.953.994.283)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	12.206.540.888	12.215.290.888
- Nguyên giá	228		12.275.952.000	12.275.952.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(69.411.112)	(60.661.112)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	194.566.342.687	193.612.854.007
III. Bất động sản đầu tư	240	14	580.065.187.352	596.102.635.090
- Nguyên giá	241		739.900.815.787	738.523.121.072
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(159.835.628.435)	(142.420.485.982)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	2.686.083.801.635	2.665.197.526.239
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.686.277.997.665	1.687.277.997.665
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.589.599.122.296	1.588.999.122.296
3. Đầu tư dài hạn khác	258		335.529.630.600	338.629.630.600
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(925.322.948.926)	(949.709.224.322)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.003.820.839	2.822.137.179
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	1.003.820.839	2.822.137.179
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		11.055.096.061.114	11.283.388.825.642

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		5.514.454.300.966	5.710.469.997.223
I. Nợ ngắn hạn	310		3.755.248.968.160	3.883.941.047.092
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	284.380.248.698	577.025.117.177
2. Phải trả người bán	312		1.057.548.310.188	995.248.012.087
3. Người mua trả tiền trước	313		394.651.402.721	575.858.240.228
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	617.724.281	5.952.630.669
5. Phải trả người lao động	315		5.835.832.208	12.180.117.205
6. Chi phí phải trả	316	19	191.900.754.571	181.935.294.586
7. Phải trả nội bộ	317		891.977.826.541	795.994.450.844
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	922.707.778.514	739.674.386.241
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.629.090.438	72.798.055
II. Nợ dài hạn	330		1.759.205.332.806	1.826.528.950.131
1. Vay và nợ dài hạn	334	22	1.401.336.864.325	1.461.252.343.729
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337	21	162.990.933.362	162.990.933.362
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		194.877.535.119	202.285.673.040
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	23	5.540.641.760.148	5.572.918.828.419
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.287.647.677.184	5.321.739.459.515
1. Vốn điều lệ	411		4.417.106.730.000	4.417.106.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		355.104.902.000	355.104.902.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		295.752.292.131	295.752.292.131
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		63.565.269.013	63.565.269.013
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		156.118.484.040	190.210.266.371
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		252.994.082.964	251.179.368.904
I. Nguồn kinh phí	432		252.994.082.964	251.179.368.904
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		11.055.096.061.114	11.283.388.825.642



Vũ Quý Hà
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Hòa
 Kế toán trưởng

Phạm Tiến Thành
 Người lập

Ngày 28 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MÃ SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Từ ngày 01/01/2014	Từ ngày 01/01/2013
		minh	đến ngày 30/6/2014	đến ngày 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.246.884.327.098	2.261.562.977.791
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	25	1.246.884.327.098	2.261.562.977.791
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	1.186.945.307.707	2.161.910.790.001
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		59.939.019.391	99.652.187.790
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	139.520.085.514	310.594.460.342
7. Chi phí tài chính	22	28	(1.164.726.762)	240.821.028.202
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.799.462.702	115.704.516.401
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	78.483.265.820	50.105.867.204
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		122.140.565.847	119.319.752.726
11. Thu nhập khác	31	31	27.933.542.512	982.672.033
12. Chi phí khác	32		181.621.490	14.753.287
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		27.751.921.022	967.918.746
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		149.892.486.869	120.287.671.472
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		149.892.486.869	120.287.671.472
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	339	272



Vũ Quý Hà
Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Phạm Tiến Thành
Người lập

Ngày 28 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	MẪU SỐ B 03-DN	
		Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
		Đơn vị: VND	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	149.892.486.869	120.287.671.472
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	25.760.247.556	26.057.927.349
Các khoản dự phòng	03	6.744.125.553	91.051.803.039
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(21.919.515.549)	31.854.115.131
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(105.299.416.194)	(295.703.505.492)
Chi phí lãi vay	06	17.799.462.702	115.704.516.401
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	72.977.390.937	89.252.527.900
Thay đổi các khoản phải thu	09	(231.679.811.928)	(218.037.699.901)
Thay đổi hàng tồn kho	10	325.515.238.003	(111.631.898.013)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(16.663.569.729)	(122.178.605.588)
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.010.995.037	803.414.323
Tiền lãi vay đã trả	13	(20.566.782.123)	(120.712.904.372)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.647.371.127)	(29.874.224.299)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.743.707.617)	(1.013.846.214)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	125.202.381.453	(513.393.236.164)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.298.491.015)	(9.527.653.576)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(192.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	117.112.125.213	355.326.332.270
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(4.200.000.000)	(123.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	32.724.846.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	57.522.051.392	191.060.541.876
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23.864.314.410)	446.584.066.570
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	118.001.234.246	692.873.454.136
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(475.213.893.122)	(849.490.932.174)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(5.103.000)	(19.941.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(357.217.761.876)	(156.637.419.038)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(255.879.694.833)	(223.446.588.632)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	517.704.955.085	369.362.714.636
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.515.843.155
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	261.825.260.252	147.431.969.159

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền khoảng 2.996 triệu VND (năm 2013: khoảng 2.794 triệu VND) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Vũ Quý Hà
Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Phạm Tiến Thành
Người lập

Ngày 28 tháng 8 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), trước đây là Tổng Công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 992/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 18 tháng 3 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2005/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Hoạt động của Tổng Công ty dưới hình thức Tổng Công ty cổ phần đã được đăng ký lại với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014768 ngày 01 tháng 12 năm 2006, và sửa đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 4 năm 2012. Tổng Công ty có mã số doanh nghiệp là 0100105616.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 720 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 727 nhân viên).

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty như sau:

Tên đơn vị	Mô tả
• Ban Quản lý các Dự án đầu tư Hòa Lạc	Được thành lập theo Quyết định số 0734/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 27 tháng 5 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng Hòa Lạc	Được thành lập theo Quyết định số 1762/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 02 tháng 12 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Điều hành Tổ hợp Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah	Được thành lập theo Quyết định số 1548/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 11 tháng 11 năm 2004 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban Điều hành Dự án Xây dựng Hồ chứa nước Cửa Đạt	Được thành lập theo Quyết định số 0554/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 06 tháng 5 năm 2004 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Mô tả
• Ban Điều hành Dự án Thủy điện Buôn Kuốp	Được thành lập theo Quyết định số 1508/QĐ/VC-TCLĐ của Hội đồng Quản trị ngày 10 tháng 10 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Trung cấp Xây dựng Thanh Hóa	Được thành lập theo Quyết định số 1378/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 04 tháng 10 năm 2006 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Xây dựng và Nghiệp vụ	Được thành lập theo Quyết định số 172/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 12 tháng 12 năm 2006 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Mầm non Dân lập Vinaconex	Được thành lập theo Quyết định số 447/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy ngày 22 tháng 4 năm 2005 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Mầm non Dân lập Lý Thái Tổ 2	Được thành lập theo Quyết định số 164/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy ngày 21 tháng 01 năm 2009 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Tiểu học Dân lập Lý Thái Tổ	Được thành lập theo Quyết định số 1022/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy ngày 26 tháng 8 năm 2004 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Trường Trung học Dân lập Lý Thái Tổ	Được thành lập theo Quyết định số 4582/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy ngày 21 tháng 7 năm 2004 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.
• Ban điều hành thi công giai đoạn 1 dự án khu đô thị Bắc An Khánh	Được thành lập theo Quyết định số 0622/2010/QĐ-PTNL ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Hội đồng Quản trị.
• Ban điều hành dự án xây dựng Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	Được thành lập theo Quyết định số 0208/2010/VC-PTNL ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Hội đồng Quản trị.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường...);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, phương tiện vận tải, xe gắn máy, hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ mua bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;
- Thiết kế hạ tầng cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn đầu tư và xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty (Tiếp theo):

- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đầu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá; đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Nhận thầu xây lắp các loại hình công trình tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Dệt may công nghiệp;
- Dịch vụ mua bán và chế biến hàng nông lâm sản (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển; và
- Tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Để có cái nhìn tổng thể về tình hình tài chính của toàn Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập và phát hành riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u> (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	7
Tài sản cố định khác	4 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2014

đến ngày 30/6/2014

(Số năm)

Nhà cửa và vật kiến trúc

7 - 25

Quyền sử dụng đất

7 - 25

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư để thu được các lợi ích từ hoạt động này. Trên báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Trên báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các khoản góp vốn liên doanh được ghi nhận theo giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Vốn chủ sở hữu, trích lập quỹ

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng và phúc lợi. Việc trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm theo quyết định của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Các quỹ được sử dụng cho các mục đích cụ thể theo quyết định của cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại do không phát sinh chênh lệch tạm thời trọng yếu.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ban Tổng Giám đốc đang xem xét và đánh giá ảnh hưởng trong việc tuân thủ các quy định của Luật Quản lý thuế tới báo cáo tài chính riêng. Nghĩa vụ thuế trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có thể sẽ thay đổi tùy thuộc vào thông báo và kết quả thanh kiểm tra của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu (Diluted EPS) cho các cổ đông phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	2.163.284.303	1.635.324.684
Tiền gửi ngân hàng	139.661.975.949	423.369.630.401
Các khoản tương đương tiền (i)	120.000.000.000	92.700.000.000
	261.825.260.252	517.704.955.085

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Sở Xây dựng Hà Nội	1.062.808.832.209	1.062.808.832.209
Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh	771.553.702.263	736.034.557.990
Khác	1.011.034.630.925	764.210.284.245
	2.845.397.165.397	2.563.053.674.444

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.710.196	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	683.863.417.031	1.009.388.365.230
Tổng	683.873.127.227	1.009.388.365.230
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.529.809.244)	(2.529.809.244)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	681.343.317.983	1.006.858.555.986

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các công trình như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tên công trình		
Dự án Bảo tàng Hà Nội (i)	435.968.482.156	416.400.337.556
Dự án Khu nhà ở tại Kim Chung, Đông Anh - Hà Nội - giai đoạn 2 (ii)	40.722.521.792	282.756.944.036
Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	-	64.988.050.729
Nhà ga T2 Nội Bài	10.000.189.119	29.582.997.511
Dự án đường Láng - Hòa Lạc	8.873.790.312	9.419.055.451
Khu nhà ở cao tầng hỗn hợp N05 Đông Nam Trần Duy Hưng	3.748.192.200	3.748.192.200
Các công trình khác	184.550.241.452	202.492.787.747
	683.863.417.031	1.009.388.365.230

(i) Căn cứ theo Quyết định số 5099/QĐ-UBND ngày 07/11/2012 của UBND TP. Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Dự án đầu tư xây dựng Dự án Bảo tàng Hà Nội, chi phí lãi vay vốn hóa vào giá trị công trình được phê duyệt là 30,64 tỷ VND.

(ii) Trong kỳ, Tổng Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay vào dự án với giá trị 143.462.156 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi sự nghiệp (i)	96.862.863.526	97.312.827.990
Tài sản ngắn hạn khác	2.069.412.804	1.590.455.017
	<u>98.932.276.330</u>	<u>98.903.283.007</u>

(i) Tổng Công ty được Nhà nước giao thực hiện một số dự án kinh tế, chính trị, xã hội, ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh. Các dự án này được trang trải bằng nguồn kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp. Nguồn kinh phí nhận được từ Ngân sách Nhà nước được ghi nhận vào tài khoản “Nguồn kinh phí” thuộc Nguồn kinh phí và quỹ khác. Chi phí dự án phát sinh được ghi nhận vào tài khoản “Chi sự nghiệp” thuộc Tài sản ngắn hạn khác cho tới khi các chi phí này được quyết toán với Nhà nước. Khi đó, chi phí dự án sẽ được giảm trừ vào Nguồn kinh phí. Chi phí dự án được Nhà nước chi trả trực tiếp sẽ được ghi nhận đồng thời vào tài khoản Chi sự nghiệp và Nguồn kinh phí. Nguồn kinh phí do Nhà nước cấp không sử dụng hết sẽ phải được hoàn trả lại Ngân sách Nhà nước. Chi phí dự án còn thiếu sẽ được Ngân sách Nhà nước bồi hoàn.

9. PHẢI THU NỘI BỘ DÀI HẠN

Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex theo Quyết định số 305/2009/QĐ-ĐT ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc “Quyết toán sơ bộ vốn đầu tư hoàn thành Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông giai đoạn 1, công suất 300.000 m³/ngày đêm” và theo Hợp đồng chuyển giao tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn 1 “Dự án hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông” ký ngày 29 tháng 9 năm 2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex.

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Khoản phải thu dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 chủ yếu thể hiện các khoản phải thu sau:

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả với số tiền là khoảng 1.980.254 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.007.226 triệu VND) theo Hợp đồng vay VCG số 1 và Hợp đồng vay VCG số 2 ngày 24 tháng 10 năm 2013.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty và Tập đoàn Viễn thông Quân đội đang thực hiện các thủ tục để thống nhất giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trong giao dịch chuyển nhượng cổ phần. Do đó, giá trị cuối cùng của khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả có thể sẽ thay đổi khi giá trị vốn chủ sở hữu được thống nhất.

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex với số tiền khoảng 166.822 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 183.487 triệu VND) theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12 tháng 10 năm 2006 với mục đích để thanh toán-nhập khẩu máy móc thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt và Hợp đồng cho vay lại vốn số 02/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12 tháng 10 năm 2006 với mục đích thanh toán phí bảo hiểm tín dụng và lãi vay.

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình với số tiền khoảng 218.793 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 111.901 triệu VND) theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC-XMYB và Hợp đồng cho vay lại vốn số 02/HĐTD-VC-XMYB ngày 27 tháng 9 năm 2006 với mục đích để nhập khẩu máy móc thiết bị cho Dự án Nhà máy Xi măng Yên Bình. Ngày 05 tháng 6 năm 2014, Hội đồng Quản trị có Quyết định số 000166/2014/QĐ-HĐQT về việc “Điều chỉnh kế hoạch trả nợ vay đầu tư của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình. Theo đó, khoản vay của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình được kéo dài thời gian trả nợ gốc thêm 4 (bốn) năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	205.283.841.416	14.644.315.757	24.247.245.741	6.005.915.257	250.181.318.171
Tăng trong kỳ	31.475.000	138.000.000	-	-	169.475.000
Tại ngày 30/6/2014	205.315.316.416	14.782.315.757	24.247.245.741	6.005.915.257	250.350.793.171
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	61.748.268.986	13.384.266.898	19.815.543.142	6.005.915.257	100.953.994.283
Khấu hao trong kỳ	6.696.615.472	496.824.420	1.142.915.211	-	8.336.355.103
Tại ngày 30/6/2014	68.444.884.458	13.881.091.318	20.958.458.353	6.005.915.257	109.290.349.386
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2014	136.870.431.958	901.224.439	3.288.787.388	-	141.060.443.785
Tại ngày 31/12/2013	143.535.572.430	1.260.048.859	4.431.702.599	-	149.227.323.888

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 23.101.194.532 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 22.217.556.930 VND).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	12.163.952.000	106.000.000	6.000.000	12.275.952.000
Tại ngày 30/6/2014	12.163.952.000	106.000.000	6.000.000	12.275.952.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	-	55.861.112	4.800.000	60.661.112
Khấu hao trong kỳ	-	7.550.000	1.200.000	8.750.000
Tại ngày 30/6/2014	-	63.411.112	6.000.000	69.411.112
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2014	12.163.952.000	42.588.888	-	12.206.540.888
Tại ngày 31/12/2013	12.163.952.000	50.138.888	1.200.000	12.215.290.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	193.612.854.007	173.684.062.327
Tăng trong kỳ/năm	953.488.680	21.740.990.673
Khác	-	(1.812.198.993)
Số dư cuối kỳ/năm	194.566.342.687	193.612.854.007

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, chi tiết các chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Khu đô thị Nam Cầu Trần Thị Lý	73.943.002.351	73.943.002.351
Khu Công nghiệp Bắc Phú Cát	62.358.807.928	61.405.319.248
Hệ thống cấp nước Sông Đà Hà Nội - giai đoạn 2	26.834.114.731	26.834.114.731
Các dự án khác	31.430.417.677	31.430.417.677
	194.566.342.687	193.612.854.007

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	9.627.543.200	728.895.577.872	738.523.121.072
Tăng khác	-	1.377.694.715	1.377.694.715
Tại ngày 30/6/2014	9.627.543.200	730.273.272.587	739.900.815.787
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	2.701.715.273	139.718.770.709	142.420.485.982
Khấu hao trong kỳ	192.550.864	17.222.591.589	17.415.142.453
Tại ngày 30/6/2014	2.894.266.137	156.941.362.298	159.835.628.435
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2014	6.733.277.063	573.331.910.289	580.065.187.352
Tại ngày 31/12/2013	6.925.827.927	589.176.807.163	596.102.635.090

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này, đồng thời cũng không có giá trị trường đáng tin cậy để trình bày.

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty bao gồm phần diện tích cho thuê tại các tòa nhà H2 Láng Hạ, tòa nhà Trung Hòa - Nhân Chính, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, tòa nhà N05 tại Hà Nội và tòa nhà 47 Điện Biên Phủ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	1.686.277.997.665	1.687.277.997.665
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.589.599.122.296	1.588.999.122.296
Đầu tư dài hạn khác	335.529.630.600	338.629.630.600
	<u>3.611.406.750.561</u>	<u>3.614.906.750.561</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(925.322.948.926)	(949.709.224.322)
	<u>2.686.083.801.635</u>	<u>2.665.197.526.239</u>

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	949.709.224.322	2.167.373.667.163
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	43.521.484.936	315.258.525.792
Giảm dự phòng trong kỳ/năm	(67.907.760.332)	(1.532.922.968.633)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>925.322.948.926</u>	<u>949.709.224.322</u>

Tổng Công ty trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 (Công ty con của Tổng Công ty) cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 có số dư các khoản phải thu khách hàng với số tiền khoảng 82 tỷ VND đã quá hạn thanh toán trên một năm và giá trị các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang đang phản ánh ở khoản mục Hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã hoàn thành nhưng chưa được xác nhận khối lượng và/hoặc chưa quyết toán kéo dài trên ba năm khoảng 15 tỷ VND. Ban Tổng Giám đốc không đánh giá được ảnh hưởng của số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cần trích lập bổ sung (nếu có) vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (Công ty liên kết của Tổng Công ty) có số dư tiền gửi tại một công ty tài chính khác với số tiền là 79 tỷ VND và số dư trái phiếu doanh nghiệp với giá trị ghi sổ là 150 tỷ VND đã đáo hạn trên một năm nhưng chưa thu hồi được. Ban Tổng Giám đốc không đánh giá được ảnh hưởng của số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cần trích lập bổ sung (nếu có) vào công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty có 31 Công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

STT	Tên công ty con	30/6/2014		Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp (%)	Hoạt động chính
		Số cổ phần	Giá trị (VND)			
1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	4.080.000	63.629.128.791	55,14%	55,14%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
2	Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	6.148.114	95.559.621.809	51,23%	51,23%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (*)	4.080.000	72.323.619.331	51,00%	51,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
4	Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 (*)	350.000	3.500.000.000	100,00%	100,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	2.550.000	33.026.714.843	51,00%	51,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
6	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	4.080.000	52.415.293.940	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	6.519.825	84.072.109.967	54,33%	54,33%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
8	Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng (*)	765.000	8.313.000.000	73,59%	73,59%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	2.550.000	34.338.162.683	52,60%	52,60%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
10	Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	5.100.000	55.236.137.563	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16	778.900	8.565.440.415	51,93%	51,93%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	1.237.584	14.402.806.485	82,16%	82,16%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
13	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	3.060.000	35.109.154.062	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
14	Công ty Cổ phần Vinaconex 27	1.020.000	10.199.770.000	81,61%	57,33%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
15	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	25.500.001	255.000.007.633	74,55%	72,18%	Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện năng
16	Công ty Cổ phần VIMECO	3.340.900	56.742.411.830	51,40%	51,40%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
17	Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	4.652.472	51.589.090.505	77,15%	76,25%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
18	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	561.000	6.799.399.132	51,00%	51,00%	Tư vấn thiết kế
19	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (**)	127.500	1.424.940.000	42,50%	42,50%	Tư vấn thiết kế
20	Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng (*)	616.000	6.160.000.000	56,90%	56,90%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
21	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam - VINASINCO	750.000	4.770.541.550	85,26%	75,00%	Thương mại - dịch vụ
22	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	4.080.000	42.880.769.436	52,89%	52,89%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch
23	Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam	765.000	8.440.856.790	52,33%	51,00%	Thương mại - dịch vụ
24	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (*)	19.280.000	192.800.000.000	53,56%	53,56%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
25	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	4.900.000	49.000.000.000	70,00%	70,00%	Quản lý dự án, giám sát thi công, đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
26	Công ty Cổ phần Vipaco	637.500	5.312.500.000	53,13%	21,25%	Sản xuất vật liệu xây dựng
27	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại VINACONEX	11.000.000	110.000.000.000	55,00%	55,00%	Thương mại - dịch vụ
28	Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	25.500.000	255.000.000.000	51,20%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch
29	Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	4.700.000	47.000.000.000	96,52%	95,51%	Thương mại - dịch vụ
30	Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex	6.507.183	22.666.520.900	59,12%	59,12%	Thương mại - dịch vụ
31	Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước (***)	-	-	71,01%	0,00%	Thương mại - dịch vụ
		1.686.277.997.665				

(*) Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chủ trương thoái vốn các công ty này theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

(**) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng công ty có tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (Vinaconex R&D) thấp hơn 50% tuy nhiên Tổng Công ty chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị và có quyền kiểm soát thông qua việc chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty này.

(***) Tại ngày 27 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng số 0178/2014/HĐCNCP/VCG-Viwapico về việc chuyển nhượng 1.850.829 cổ phần Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước. Ngày 29 tháng 7 năm 2014, bên mua đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán với Tổng Công ty theo điều khoản hợp đồng. Đến thời điểm lập báo cáo soát xét, Tổng Công ty đang tiến hành thủ tục chuyển đổi quyền sở hữu cổ phần do các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty nắm giữ cho đối tác, vì vậy, Tổng Công ty vẫn ghi nhận quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty có 12 công ty liên kết và liên doanh. Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh như sau:

STT	Tên công ty	30/6/2014		Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp (%)	Hoạt động chính
		Số cổ phần	Giá trị (VND)			
	Góp vốn liên doanh					
1	Công ty Liên doanh TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh (ii)	34.026.900	340.269.000.000	50,00%	50,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
2	Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh VINACONEX - TAISEI	1.016.295	20.110.184.541	29,00%	29,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
	Công ty liên kết					
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	11.091.500	110.915.000.000	29,19%	29,19%	Sản xuất công nghiệp
4	Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại VINACONEX	1.326.000	13.260.000.000	48,53%	44,20%	Thương mại - dịch vụ
5	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm VINAVICO	1.500.000	25.462.420.590	30,83%	30,83%	Thi công xây lắp các công trình ngầm, thương mại dịch vụ
6	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	2.718.750	34.788.609.112	36,00%	36,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	60.000.000	600.000.000.000	30,00%	30,00%	Sản xuất xi măng
8	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	2.550.000	40.833.913.053	40,48%	30,36%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
9	Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (i)	33.000.000	330.000.000.000	39,00%	33,00%	Tài chính - ngân hàng
10	Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex (iii)	300.000	3.200.000.000	22,33%	10,00%	Sản xuất công nghiệp
11	Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	6.656.000	66.559.995.000	31,64%	26,00%	Sản xuất xi măng
12	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang (iv)	420.000	4.200.000.000	21,00%	21,00%	Đầu tư và khai thác đường cao tốc Hà Nội - Bắc Giang
			1.589.599.122.296			

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2012/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 3 năm 2012, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chủ trương thoái vốn tại Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel. Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

(ii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2012/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 7 năm 2012, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chủ trương thoái vốn tại Công ty Liên doanh TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh. Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (iii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2013/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 5 năm 2013, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chủ trương thoái vốn tại Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex. Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- (iv) Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300846090 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 4 năm 2014, tỷ lệ lợi ích và quyền kiểm soát của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang đều là 21%.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác của Tổng Công ty như sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex - Viettel	92.500.000.000	92.500.000.000
Quỹ Đầu tư Phát triển Việt nam	72.000.000.000	72.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Quảng Ninh	52.761.753.930	52.761.753.930
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH VINA SANWA	25.005.670.788	25.005.670.788
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	24.000.000.000	24.000.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	29.262.205.882	32.362.205.882
	<u>335.529.630.600</u>	<u>338.629.630.600</u>

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ/năm	2.822.137.179	2.660.041.406
Tăng	127.682.995	1.382.672.751
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(1.945.999.335)	(1.220.576.978)
Tại ngày cuối kỳ/năm	<u>1.003.820.839</u>	<u>2.822.137.179</u>

Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày cuối kỳ/năm như sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	178.106.833	1.262.768.886
Chi phí sửa chữa lớn	583.243.092	1.166.486.182
Chi phí khác	242.470.914	392.882.111
	<u>1.003.820.839</u>	<u>2.822.137.179</u>

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	161.753.139.221	426.864.107.077
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	122.627.109.477	150.161.010.100
	<u>284.380.248.698</u>	<u>577.025.117.177</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch (i)	17.706.464.333	196.673.592.046
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cầu Giấy (i)	43.121.363.588	113.827.458.393
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây (i)	100.465.311.300	98.095.181.041
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (i)	-	17.734.840.200
- Vay cá nhân	460.000.000	533.035.397
	<u>161.753.139.221</u>	<u>426.864.107.077</u>

(i) Bao gồm các khoản vay được đảm bảo bằng doanh thu bán hàng từ phương án sản xuất kinh doanh, và bằng các nguồn thu hợp pháp của Tổng Công ty. Các khoản vay có thời gian vay đến 12 tháng và lãi suất vay dao động từ 7,5%/năm đến 13,7%/năm.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	195.057.910	111.591.779
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.647.371.126
Thuế thu nhập cá nhân	422.666.371	1.193.667.764
	<u>617.724.281</u>	<u>5.952.630.669</u>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả về hợp đồng xây dựng	165.707.711.771	148.087.486.652
Chi phí lãi vay phải trả	10.082.595.200	11.121.613.937
Lệ phí trước bạ và thuế chuyển quyền sử dụng đất	14.620.136.000	14.620.136.000
Các chi phí phải trả khác	1.490.311.600	8.106.057.997
	<u>191.900.754.571</u>	<u>181.935.294.586</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MÃU SỐ B 09-DN**
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long - Tiền đất dự án HH (ii)	500.000.000.000	500.000.000.000
Kinh phí bảo trì các tòa nhà - N05 (i)	72.562.774.387	72.416.515.433
Thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp (iii)	42.565.009.558	42.565.009.558
Phải trả Ngân sách phần chênh lệch thu chi của dự án 15T	25.427.427.421	25.427.427.421
Kinh phí bảo trì các tòa nhà - Trung Hòa Nhân Chính (i)	19.903.517.833	20.241.081.846
Phải trả đơn vị tham gia góp vốn dự án Đầu tư Xây dựng cầu Thủ Thiêm 2	14.929.682.289	14.929.682.289
Cổ tức phải trả	178.278.725.454	1.599.559.254
Kinh phí công đoàn	203.193.622	277.106.256
Bảo hiểm xã hội	101.842.990	17.319.374
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	68.735.604.960	62.200.684.810
	<u>922.707.778.514</u>	<u>739.674.386.241</u>

- (i) Kinh phí bảo trì các tòa nhà phải nộp cho Ban quản lý nhà chung cư theo Luật Nhà ở năm 2006.
- (ii) Khoản tiền nhận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long theo cam kết trong hợp đồng hợp tác với Tổng Công ty để đầu tư xây dựng Dự án StarCity Center là một khu tổ hợp thương mại tại khu đất HH Khu đô thị mới Đông Nam Trần Duy Hưng - Thành phố Hà Nội.
- (iii) Là khoản thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp cho tiền lãi vay ngân hàng nước ngoài từ năm 2007 đến năm 2010 mà Tổng Công ty đang hoàn thiện hồ sơ miễn giảm theo hiệp định tránh đánh thuế 2 lần. Khoản phải trả này sẽ được ghi giảm khi Tổng Công ty hoàn thiện các hồ sơ miễn giảm và được cơ quan thuế có thẩm quyền chấp nhận.

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Là dự phòng bảo hành cho Dự án N05 được Tổng Công ty trích lập bằng 4,5% doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	1.523.963.973.802	1.611.413.353.829
	<u>1.523.963.973.802</u>	<u>1.611.413.353.829</u>
Số phải trả trong vòng 12 tháng	(122.627.109.477)	(150.161.010.100)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>1.401.336.864.325</u>	<u>1.461.252.343.729</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty như sau:

		30/6/2014	31/12/2013
	Tiền tệ	VND	VND
Ngân hàng			
- Ngân hàng BNP Paribas	(i) USD	203.894.184.822	220.184.834.486
- Ngân hàng Natexis	(ii) USD	116.137.685.337	129.336.079.058
- Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc	(iii) USD	141.302.543.073	167.851.499.715
- Quỹ Đầu tư Phát triển thành phố Hà Nội	(iv) VND	1.062.629.560.570	1.094.040.940.570
		1.523.963.973.802	1.611.413.353.829

(i) Ngày 10 tháng 10 năm 2006, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng BNP Paribas, một ngân hàng Pháp có Đăng ký kinh doanh số 662042449 tại Phòng Đăng ký Công ty và Thương mại Paris với số tiền 18.055.000 USD để phục vụ cho Dự án Thủy điện Cửa Đạt. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR 6 tháng cộng (+) 1,87%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2010. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.

(ii) Khoản vay này phục vụ cho Dự án Hệ thống cấp nước Sông Đà và được đảm bảo bởi bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR cộng 2,35%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2007.

(iii) Ngày 27 tháng 9 năm 2006, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc với số tiền 19.901.767 Đô la Mỹ để phục vụ cho Dự án Nhà máy Xi măng Yên Bình. Khoản vay này chịu lãi suất là 3,78%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 15 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 28 tháng 12 năm 2009. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.

(iv) Khoản vay Quỹ đầu tư Phát triển thành phố Hà Nội phục vụ cho Dự án bảo tàng Hà Nội với lãi suất 0% và phục vụ cho Dự án Kim Chung với nhiều hợp đồng vay có thời hạn vay 15 tháng và lãi suất từ 11,4%/năm đến 12%/năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Nguồn kinh phí		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	4.417.106.730.000	355.104.902.000	295.752.292.131	63.565.269.013	93.657.241.885	304.530.354.257	5.342.402.305.516							
Tăng khác	-	-	-	-	-	40.255.934.871	40.255.934.871							
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	284.537.508.256	-	284.537.508.256							
Chi lương thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách	-	-	-	-	(670.000.000)	-	(670.000.000)							
Quyết toán với ngân sách Nhà nước về kinh phí nhận được	-	-	-	-	-	(93.606.920.224)	(93.606.920.224)							
Tại ngày 01/01/2014	4.417.106.730.000	355.104.902.000	295.752.292.131	63.565.269.013	190.210.266.371	251.179.368.904	5.572.918.828.419							
Khác	-	-	-	-	-	1.814.714.060	1.814.714.060							
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	149.892.486.869	-	149.892.486.869							
Chi lương thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách (i)	-	-	-	-	(700.000.000)	-	(700.000.000)							
Phân bổ vào các quỹ (i)	-	-	-	-	(6.600.000.000)	-	(6.600.000.000)							
Cổ tức (i)	-	-	-	-	(176.684.269.200)	-	(176.684.269.200)							
Tại ngày 30/6/2014	4.417.106.730.000	355.104.902.000	295.752.292.131	63.565.269.013	156.118.484.040	252.994.082.964	5.540.641.760.148							

(i) Tổng Công ty chi lương cho thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách, phân bổ vào các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 25 tháng 4 năm 2014 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Biến động vốn điều lệ trong kỳ/năm như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014		Năm 2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ/năm	441.710.673	4.417.106.730.000	441.710.673	4.417.106.730.000
Số dư cuối kỳ/năm	441.710.673	4.417.106.730.000	441.710.673	4.417.106.730.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Trong kỳ, Tổng Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh bất động sản, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 25 và số 26.

Các công trình của Tổng Công ty chủ yếu được thi công trên địa bàn thành phố Hà Nội và các tỉnh phía Bắc.

25. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Xây lắp	1.149.352.011.773	2.169.283.943.075
Cho thuê văn phòng và khác	60.497.542.453	57.803.203.884
Hoạt động giáo dục	37.034.772.872	34.475.830.832
	1.246.884.327.098	2.261.562.977.791
Giảm giá hàng bán và dịch vụ	-	-
	1.246.884.327.098	2.261.562.977.791

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Xây lắp	1.126.764.123.318	2.109.259.688.320
Cho thuê văn phòng và khác	30.035.407.774	26.526.978.648
Hoạt động giáo dục	30.145.776.615	26.124.123.033
	1.186.945.307.707	2.161.910.790.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	43.641.597.194	167.144.907.705
Cổ tức	63.013.939.000	121.290.702.127
Lãi chênh lệch tỷ giá	22.620.270.198	12.600.437.301
Lãi chuyển nhượng đầu tư tài chính	-	7.450.646.772
Doanh thu từ bảo lãnh hợp đồng (*)	10.241.119.741	2.107.766.437
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.159.381	-
	139.520.085.514	310.594.460.342

(*) Là doanh thu từ thu phí bảo lãnh do Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh cho các Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex, Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Bắc 2 để vay vốn tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 với hạn mức bảo lãnh tối đa lần lượt là 395.830.000.000 VND, 138.600.000.000 VND và 1.129.000.000.000 VND.

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	17.799.462.702	115.704.516.401
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(21.286.275.396)	81.265.193.984
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.356.120.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	787.418.001	43.747.012.121
Chi phí tài chính khác	178.547.931	104.305.696
	(1.164.726.762)	240.821.028.202

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	24.148.938.814	24.557.222.283
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.647.150.568	5.909.415.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.653.670.193	2.527.871.272
Thuế, phí và lệ phí	11.672.178.754	1.530.333.928
Chi phí đồ dùng văn phòng	293.913.265	433.125.149
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	28.030.400.949	9.786.609.055
Chi phí nguyên vật liệu	117.332.273	227.188.990
Chi phí bằng tiền khác	5.919.681.004	5.134.101.007
	78.483.265.820	50.105.867.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.332.273	227.188.990
Chi phí nhân công	24.148.938.814	24.557.222.283
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.760.247.556	26.057.927.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	883.967.135.877	2.269.147.325.404
Chi phí khác bằng tiền	5.919.681.004	5.134.101.007
	939.913.335.524	2.325.123.765.033

31. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Thu từ tiền bảo hiểm khoản vay Dự án Xi măng Cẩm Phả	15.272.661.642	-
Thu từ tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Dự án Xi măng Cẩm Phả	12.074.488.443	-
Thu nhập khác	586.392.427	982.672.033
	27.933.542.512	982.672.033

32. THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Đối chiếu thuế suất hiện hành

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	149.892.486.869	120.287.671.472
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	63.013.939.000	121.290.702.127
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.448.249.816	-
- Dự phòng phải thu khó đòi	4.448.249.816	-
Thu nhập/(Lỗ) chịu thuế	91.326.797.685	(1.003.030.655)
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập/(Lỗ) chịu thuế từ hoạt động chính và hoạt động khác	84.148.635.988	(6.640.707.097)
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động bất động sản	-	-
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động giáo dục	7.178.161.697	9.603.401.648
Thuế suất áp dụng cho hoạt động chính và hoạt động khác	22%	25%
Thuế suất áp dụng cho hoạt động bất động sản	22%	25%
Thuế suất áp dụng cho hoạt động giáo dục	10%	10%
Lỗ mang sang	(91.326.797.685)	(93.657.241.885)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế của hoạt động chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trong kỳ là 149.892.486.869 VND (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013: 120.287.671.472 VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 441.710.673 (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013: 441.710.673), được thực hiện như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	149.892.486.869	120.287.671.472
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	441.710.673	441.710.673
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>339</u>	<u>272</u>

34. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ nêu "Ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại cuộc họp về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam", Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng có ý kiến kết luận như sau:

- Đồng ý nội dung báo cáo và kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản tiền sử dụng đất và tầng 1 các nhà chung cư cao tầng Vinaconex đã xây dựng tại Dự án Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.
- Đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản lỗ và khoản tiền do các cổ đông chưa nộp khi tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Vinaconex.
- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét điều chỉnh lại quy hoạch và tính toán tiền sử dụng đất phải nộp đối với diện tích đất xây dựng các nhà nổi trên đất lưu không tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.
- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Vinaconex dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh để xử lý theo đúng quy định.

Tiếp theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính và có Công văn số 1858/BXD-ĐMDN ngày 24 tháng 10 năm 2012 trình lên Thủ tướng Chính phủ về việc xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Vinaconex dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh. Theo đó, việc ghi nhận thỏa thuận hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty và Posco E&C phát sinh trong giai đoạn Vinaconex đang là doanh nghiệp Nhà nước. Tuy nhiên, khoản tiền 192 tỷ VND quyền phát triển dự án Khu đô thị Bắc An Khánh có hiệu lực theo giấy chứng nhận đầu tư do tỉnh Hà Tây cấp cho Công ty liên doanh ngày 08 tháng 12 năm 2006, tại thời điểm đó Vinaconex đã là Tổng Công ty Cổ phần (từ ngày 01 tháng 12 năm 2006). Công văn số 1858/BXD-ĐMDN đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định.

Đối với các vấn đề khác, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện các ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các vấn đề nêu trên.

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Tổng Công ty cam kết góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang với số tiền 104.227.700.000 VND, chiếm 21% vốn điều lệ. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty đã góp 4.200.000.000 VND, tương ứng 21% trên tổng số vốn điều lệ lần 1 của Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và Thuyết minh số 22, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	1.685.717.113.023	2.038.277.460.906
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	261.825.260.252	517.704.955.085
Nợ thuần	1.423.891.852.771	1.520.572.505.821
Vốn chủ sở hữu	5.287.647.677.184	5.321.739.459.515
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,27	0,29

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	261.825.260.252	517.704.955.085
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.801.563.852.664	5.484.329.122.778
Đầu tư ngắn hạn	140.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn	314.665.193.267	312.573.734.508
Tổng cộng	6.518.054.306.183	6.334.607.812.371
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.685.717.113.023	2.038.277.460.906
Phải trả người bán và phải trả khác	2.871.928.878.631	2.530.622.423.542
Chi phí phải trả	191.900.754.571	181.935.294.586
Tổng cộng	4.749.546.746.225	4.750.835.179.034

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	461.334.413.232	517.372.413.259	2.642.167.695.485	2.984.253.454.791
Euro (EUR)	-	-	26.723.604	12.418.472
Yên Nhật (JPY)	-	-	20.061.680	19.311.800
Kíp Lào (LAK)	-	-	-	897.716
Franc Thụy Sĩ (CHF)	-	-	-	20.344.724.881

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ, Đồng Euro và Đồng Yên Nhật.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam thay đổi 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ/năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Năm 2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	218.083.328.225	246.688.104.153
Euro (EUR)	2.672.360	1.241.847
Yên Nhật (JPY)	2.006.168	1.931.180
Kíp Lào (LAK)	-	89.772
Franc Thụy Sĩ (CHF)	-	2.034.472.488
	218.088.006.753	248.725.839.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 sẽ giảm 33.705.142.260 VND (2013: 40.754.888.510 VND).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận/(lỗ) trước thuế VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014		
VND	200	(33.705.142.260)
VND	(200)	33.705.142.260
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	200	(40.754.888.510)
VND	(200)	40.754.888.510

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,... Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 37.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2014	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	261.825.260.252	-	261.825.260.252
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.301.428.936.649	2.500.134.916.015	5.801.563.852.664
Đầu tư ngắn hạn	140.000.000.000	-	140.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	314.665.193.267	314.665.193.267
Tổng cộng	3.703.254.196.901	2.814.800.109.282	6.518.054.306.183
Phải trả người bán và phải trả khác	2.871.928.878.631	-	2.871.928.878.631
Chi phí phải trả	191.900.754.571	-	191.900.754.571
Các khoản vay	284.380.248.698	1.401.336.864.325	1.685.717.113.023
Tổng cộng	3.348.209.881.900	1.401.336.864.325	4.749.546.746.225
Chênh lệch thanh khoản thuần	355.044.315.001	1.413.463.244.957	1.768.507.559.958
31/12/2013	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	517.704.955.085	-	517.704.955.085
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.002.855.755.033	2.481.473.367.745	5.484.329.122.778
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	312.573.734.508	312.573.734.508
Tổng cộng	3.540.560.710.118	2.794.047.102.253	6.334.607.812.371
Phải trả người bán và phải trả khác	2.530.622.423.542	-	2.530.622.423.542
Chi phí phải trả	181.935.294.586	-	181.935.294.586
Các khoản vay	577.025.117.177	1.461.252.343.729	2.038.277.460.906
Tổng cộng	3.289.582.835.305	1.461.252.343.729	4.750.835.179.034
Chênh lệch thanh khoản thuần	250.977.874.813	1.332.794.758.524	1.583.772.633.337

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Cổ đông
Tập đoàn Viễn thông Quân đội	Cổ đông
Các công ty khác	Công ty con

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
	VND	VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	268.266.031	1.516.693.598
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	452.645.987	2.385.556.784
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	53.140.709	176.827.273
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	775.165.111	815.151.460
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	416.607.001	1.491.633.270
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	1.517.630.822	2.844.429.223
Công ty Cổ phần Vimeco	1.010.036.018	557.629.187
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	270.619.844	936.988.526
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	15.367.909	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	8.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Vinaconex (VINAHUD)	-	27.200.000
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	7.000.000	7.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Du lịch	-	1.556.714.647

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Mua hàng hóa và dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	21.004.598.496	65.444.261.017
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	35.663.098.639	39.960.283.163
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	-	3.791.268.091
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	43.940.251.930	57.622.175.126
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	15.784.931.995	3.651.942.844
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	67.216.249.233	178.728.506.140
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng	158.829.091	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	22.000.577.096	48.413.870.175
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	11.514.867.791	32.919.143.053
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	3.225.199.366	11.968.101.393
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	69.235.490.621	136.487.868.235
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	10.380.590.581	2.570.628.049
Công ty Cổ phần VIMECO	67.847.550.213	165.813.355.675
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	2.135.402.046	6.323.254.679
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	906.000.000	1.458.373.636
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	-	730.976.364
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	1.528.660.462	6.375.364.528
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinaconex	1.377.694.715	3.870.467.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) MÃ SỐ B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Thu nhập cổ tức		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	10.200.000.000	8.160.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	6.148.114.000	9.222.171.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	4.080.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	6.519.825.000	9.127.755.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	3.672.000.000	3.672.000.000
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	5.508.000.000	5.508.000.000
Công ty Cổ phần VIMECO	4.009.000.000	3.340.900.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	255.000.000	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	3.760.000.000	7.050.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	1.128.500.000	566.593.360
	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Thu nhập lãi vay		
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	362.847.152	216.600.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	-	36.307.500
Công ty Cổ phần VIMECO	311.819.274	1.123.632.098
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	1.743.269.883	1.298.576.883
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	-	143.168.773.595
Công ty Cổ phần Vật tư ngành nước	-	1.569.747.160
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	5.856.081.935	6.764.249.769
	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Thu nhập từ bảo lãnh		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	8.266.254.872	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	418.150.222	507.950.606
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	1.556.714.647	1.556.714.647
	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Nhận vốn góp		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	1.021.004.610.000
Tập đoàn Viễn thông Quân đội	-	376.040.700.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) MÃU SỐ B 09-DN
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	424.037.606	424.037.606
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	91.363.276.023	91.363.276.023
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	-	5.416.796.544
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	30.230.559.777	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng	20.635.299.590	20.093.778.438
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	828.755.812	828.755.812
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	22.095.253.075	22.672.714.148
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	68.474.884.789	-
Công ty Cổ phần VIMECO	31.041.635.410	982.320.667
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	50.568.127.657	46.319.732.263
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	2.412.173.976	214.563.976
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới	-	863.373
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	29.652.362.967	29.652.362.967
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	35.423.374.097	33.866.659.450
Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex	182.795.306	174.469.806
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	169.990.081.020	221.523.707.719
Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex	1.263.785.093	1.263.785.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán (Tiếp theo):

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	65.276.561.919	78.916.144.305
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	110.981.825.756	93.685.263.582
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	3.722.367.465	3.759.537.965
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	24.873.526.365	57.323.837.551
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	7.215.131.651	2.421.934.078
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	269.112.359.851	159.289.463.814
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng	2.581.102.562	2.390.209.200
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	64.034.542.784	43.370.557.603
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	8.850.109.375	10.049.412.448
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	43.638.035.869	37.047.418.735
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	3.540.027.770	5.787.711.828
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	120.357.459.502	111.712.897.839
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	3.472.591.209	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Bắc 2	-	9.264.488.683
Công ty Cổ phần VIMECO	114.305.518.891	127.456.061.952
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	4.413.508.982	4.070.945.022
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	12.404.456.925	14.139.780.446
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	15.969.378	15.969.378
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	5.672.904	3.968.145.928
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	137.979.577	137.979.577
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinaconex	25.029.959.396	30.010.030.307
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	2.658.696.192	2.658.245.742
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	39.511.066	39.511.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

38. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ngày 29 tháng 7 năm 2014, tại Trụ sở Tổng Công ty, Cơ quan cảnh sát Điều tra Bộ Công an đã đến làm việc với Tổng Công ty và công bố Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03/C46-P10 ngày 24 tháng 7 năm 2014 liên quan đến việc thiết kế, phê duyệt, sản xuất và xây lắp tuyến ống truyền tải nước sạch Dự án nước sông Đà (giai đoạn 1) của Vinaconex. Hiện nay, Tổng Công ty đang phối hợp chặt chẽ với Cục cảnh sát kinh tế và cơ quan pháp luật khác có liên quan để báo cáo, giải trình và làm rõ hơn các nội dung có liên quan theo yêu cầu.

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét.



Vũ Quý Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2014

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Phạm Tiến Thành
Người lập